**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I, NĂM HỌC: 2023- 2024**

**MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ - LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Mức độ nhận thức | | | | % tổng điểm |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| I. Phân môn Lịch Sử | | | | | | | | |
| 1 | | Chương I .Vì sao phải học lịch sử | Bài 1. Lịch sử và cuộc sống | 1 |  |  |  | 2,5% |
| Bài 2.Dựa vào đâu để biết và phục dựng lại lịch sử? | 1 | 1 |  |  | 17,5% |
| Bài 3. Thời gian trong lịch sử | 1 |  | 1 |  | 12,5% |
| 2 | | Chương II. Xã hội nguyên thủy | Bài 4. Nguồn gốc loài người | 1 |  |  |  | 2,5% |
| Bài 5. Xã hội nguyên thủy | 2 |  |  |  | 5 % |
| Bài 6. Sự chuyển biến và phân hoá của xã hội nguyên thuỷ | 1 |  |  | 1 | 7,5 % |
| 3 | | Chương III. Xã hội cổ đại | Bài 7 . Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại | 1 |  |  |  | 2,5 % |
| Tổng | | | | 8 | 1 | 1 | 1 | 11 |
| Tỉ lệ % nhận thức | | | | 20% | 15% | 10% | 5% | 50% |
| Tỉ lệ chung | | | | 35% | | 10% | 5% | 50% |
|  | | | | | | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | | **Thông hiểu**  **(TL)** | | **Vận dụng**  **(TL)** | | **Vận dụng cao**  **(TL)** | | **TN** | **TL** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
|  |  | **Phân môn Địa lí** | | | | | | | | | | | |
| **1** | **Bản đồ- phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất** | Bài 1: Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Tọa độ địa lý | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 2,5 |
| Bài 2: Bản đồ.Một số lưới kinh, vĩ tuyến phương hướng trên bản đồ. | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 2,5 |
| Bài 3: Tỉ lệ bản đồ. Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ. | 1 |  |  | 1TL |  |  |  |  | 1 | 1 | 12,5 |
| Bài 4: Ký hiệu và bảng chú giải bản đồ.Tìm đường đi trên bản đồ. | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 2,5 |
| Bài 5: Lược đồ trí nhớ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Trái Đất - Hành tinh của hệ Mặt Trời** | Bài 6: Trái Đất trong hệ Mặt Trời | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 5 |
| Bài 7: Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả | 2 |  |  |  |  | 1TL |  | 1TL | 2 | 2 | 25 |
| ***Tổng*** | | | 8 |  |  | 1 |  | 1 |  | 1 | 8 | 3 |  |
| ***Tỉ lệ*** | | | ***20%*** | | ***15%*** | | ***10%*** | | ***5%*** | | ***20%*** | ***30%*** | ***50%*** |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II, NĂM HỌC 2022- 2023**

**MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 6 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức/Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **NB** | **TH** | **VD** | **VDC** |
| **PHÂN MÔN LỊCH SỬ** | | | | | | | |
| 1 | Chương I .Vì sao phải học lịch sử | Bài 1. Lịch sử và cuộc sống | **Nhận biết**  – Nêu được khái niệm lịch sử  - Nêu được khái niệm môn Lịch sử | 1 |  |  |  |
| Bài 2.Dựa vào đâu để biết và phục dựng lại lịch sử? | **Thông hiểu**  – Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết,…).  - Trình bày được ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu | 1 | 1 |  |  |
| Bài 3. Thời gian trong lịch sử | **Nhận biết**  – Nêu được một số khái niệm thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch,…  **Vận dụng**  - Tính được thời gian trong lịch sử (thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch,…). | 1 |  | 1 |  |
| 2 | Chương II. Xã hội nguyên thủy | Bài 4. Nguồn gốc loài người | **Nhận biết**  – Kể được tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ trên đất nước Việt Nam.  **Thông hiểu**  – Giới thiệu được sơ lược quá trình tiến hoá từ vượn người thành người trên Trái Đất.  **Vận dụng**  – Xác định được những dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á | 1 |  |  |  |
| Bài 5. Xã hội nguyên thủy | **Nhận biết**  – Trình bày được những nét chính về đời sống của người thời nguyên thuỷ (vật chất, tinh thần, tổ chức xã hội,...) trên Trái đất  – Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thuỷ trên đất nước Việt Nam  **Thông hiểu**  – Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội người nguyên thuỷ.  – Giải thích được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thuỷ cũng như của con người và xã hội loài người | 2 |  |  |  |
| Bài 6. Sự chuyển biến và phân hoá của xã hội nguyên thuỷ | **Nhận biết**  – Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại đối với sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp.  – Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên – Đồng Đậu – Gò Mun.  **Thông hiểu**  – Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp  - Mô tả được sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông  – Giải thích được sự tan rã của xã hội nguyên thuỷ  – Giải thích được sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông.  **Vận dụng cao**  **-** Nhận xét được vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp. | 1 |  |  | 1 |
| 3 | Chương III. Xã hội cổ đại | Bài 7 . Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại | **Nhận biết**  – Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và người Lưỡng Hà.  – Kể tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập, Lưỡng Hà  **Thông hiểu**  – Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (các dòng sông, đất đai màu mỡ) đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà. | 1 |  |  |  |
| **Tổng** | | |  | **8** | 1 | 1 | 1 |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **20%** | **15%** | **10%** | **5%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **35%** | | **15%** | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chương/ Chủ đề | Nội dung kiến thức | Mức độ nhận thức | Câu hỏi theo mức độ đánh giá | | | |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | |
| 1 | **Bản đồ- phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất** | Bài 1: Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Tọa độ địa lý | **Nhận biết**  Biết được kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc, các bán cầu và tọa độ địa lí, kinh độ , vĩ độ.  **Thông hiểu**  Hiểu và phân biệt được sự khác nhau giữa kinh tuyến và vĩ tuyến, giữa kinh độ và kinh tuyến, giũa vĩ độ và vĩ tuyến. | 1TN |  |  |  |
| Bài 2: Bản đồ.Một số lưới kinh, vĩ tuyến phương hướng trên bản đồ. | **Nhận Biết**  Hiểu được khái niệm bản đồ, các yếu tố cơ bản của bản đồ.  Nhận biết được một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới.  Nêu được sự cần thiết của bản đồ trong học tập và trong đời sống. | 1TN |  |  |  |
| Bài 3: Tỉ lệ bản đồ.Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ. | **Nhận biết:**  Biết được các mức độ thể hiện của tỉ lệ bản đồ và khoảng cách trên bản đồ so với thực tế.  **Thông hiểu**  -Xác định được tọa độ địa lí trên bản đồ.  - Tính được khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ. | 1TN | 1TL |  |  |
| Bài 4: Ký hiệu và bảng chú giải bản đồ.Tìm đường đi trên bản đồ. | **Nhận biết**  Các loại kí hiệu và các dạng kí hiệu bản đồ | 1TN |  |  |  |
| Bài 5: Lược đồ trí nhớ |  |  |  |  |  |
| 2 | **Trái Đất - Hành tinh của hệ Mặt Trời** | Bài 6: Trái Đất trong hệ Mặt Trời | **Nhận Biết**  Biết được vị trí của Trái Đất trong hệ mặt trời: Vị trí tương quan với hành tinh khác  Mô Tả được hình dạng, kích thước của Trái Đất | 2TN |  |  |  |
| Bài 7: Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả | **Nhận biết**  - Biết được thời gian Trái Đất chuyển động một vòng quanh trục.  **Vận dụng**  - Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau.  **Vận dụng cao**  - So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất. | 2TN |  | 1TL | 1TL |
|
| Số câu/loại câu | | |  | 8TN | 1TL | 1TL | 1TL |
| Tỉ lệ % | | |  | ***20%*** | ***15%*** | ***10%*** | ***5%*** |

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**TRƯỜNG TH&THCS XÃ XĂM KHÒE NĂM HỌC 2023- 2024**

**MÔN: LỊCH SỬ& ĐỊA LÍ 6**

**ĐỀ CHÍNH THỨC**

*Thời gian: 90 phút(không kể thời gian giao đề )*

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**(**4,0 điểm**)

**Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau**

**1. Phân môn Lịch sử (2,0 điểm)**

**Câu 1**. Lịch sử là gì?

**A.** Những gì sẽ diễn ra trong tương lai.

**B**. Là tất cả những gì đã xảy ra và lịch sử còn hiểu là một khoa học nghiên cứu và phục dựng lại quá khứ

**C.** Những hoạt động của con người trong tương lai.

**D.** Những hoạt động của con người đang diễn ra.

**Câu 2**. Tư liệu hiện vật là :

**A**. Các bản chữ khắc.

**B**. Các bản chép tay.

**C**. Tư liệu cung cấp những thông tin đầu tiên .

**D**. Những di tích ,đồ vật .....của người xưa còn lưu giữ lại trong lòng đất hay trên mặt đất

**Câu 3.** Để tính thời gian theo Âm lịch người xưa đã dựa vào

**A**. Chu kì Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời.

**B.** Chu kì Mặt Trăng quay xung quanh Trái Đất.

**C.** Chu kì Mặt Trời quay xung quanh Trái Đất.

**D.** Chu kì Mặt Trăng quay xung quanh Mặt Trời.

**Câu 4.** Những chiếc răng của Người tối cổ được tìm thấy ở đâu trên đất nước ta?

**A**. An Khê ( Gia Lai). **B**. Núi Đọ ( Thanh Hoá).

**C**. Xuân Lộc ( Đồng Nai) **D**. Thẩm Khuyên (Lạng Sơn).

**Câu 5**. Tổ chức xã hội của người tinh khôn là

**A**. Sống thành bầy . **B**. Sống đơn lẻ.

**C**. Sống 2,3 thế hệ có cùng dòng máu ,làm chung và hưởng chung.

**D**. Sống thành bầy đàn trong các bộ lạc.

**Câu 6**. Bầy người nguyên thuỷ sống chủ yếu dựa vào

**A**.Săn bắt, hái lượm. **B**.Săn bắn, chăn nuôi.

**C**.Trồng trọt, chăn nuôi. **D**.Săn bắn, trồng trọt.

**Câu 7**.Vào khoảng thiên niên kỉ IV TCN ,người nguyên thủy đã phát hiện ra

**A.** Thiếc **B.** Vàng

**C**. Đồng đỏ **D.** Bạc

**Câu 8.** Kim tự tháp Kê-ốp có chiều cao

**A**. 145m **B**. 146m. **C**. 147m. **D**.148m.

**2. Phân môn địa lí**

**Câu 1.** Vĩ tuyến nào chia quả Địa Cầu thành hai phần bằng nhau?

**A.** Vĩ tuyến gốc 00. C. Vĩ tuyến 600.

B. Vĩ tuyến 900. D. Vĩ tuyến 23027’.

**Câu 2.** Hướng tây được thể hiện ở phía bên nào của bản đồ?

1. Đầu bên phải bản đồ C. Đầu bên trái bản đồ
2. Đầu trên bản đồ D. Đầu dưới bản đồ

**Câu 3.** Tỉ lệ bản đồ được thể hiện ở những dạng nào?

1. Tỉ lệ số và tỉ lệ thước C. Tỉ lệ thước đã tính sẵn độ dài
2. Tỉ lệ số có tử số là 1000 D. Tỉ lệ khoảng cách

**Câu 4.** Kí hiệu bản đồ thường có mấy loại?

1. 2 loại C. 4 loại
2. 3 loại D. 5 loại

**Câu 5.** Trái Đất nằm ở vị trí thứ mấy theo thứ tự xa dần mặt trời?

1. Vị trí số 2 C. Vị trí số 4
2. Vị trí số 3 D. Vị trí số 5

**Câu 6.** Trái Đất có bán kính Xích đạo là bao nhiêu?

1. 6 783 km C. 6 387 km
2. 6 873 km D. 6 378 km

**Câu 7.** Thời gian Trái Đất tự quay quanh trục hết một vòng được quy ước là:

1. 23 giờ 50 phút C. 24 giờ
2. 12 giờ D. 12 giờ 30 phút

**Câu 8.** Nhìn xuôi theo chiều chuyển động vật thể ở bán cầu Bắc có sự lệch hướng như nào so với hướng ban đầu?

1. Lệch sang phải C. Lệch về phía cực Bắc
2. Lệch sang trái D. Lệch về phía cực Na

**II. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm)**

**1. Phân môn Lịch sử (3,0 điểm)**

**Câu 1. (1,5 điểm).***)* Em hãy phân biệt các nguồn sử liệu đã học? Các nguồn sử liệu đó có ý nghĩa như thế nào trong việc tìm hiểu lịch sử?

**Câu 2 (1,0 điểm).** Hãy tính xem các sự kiện sau xảy ra cách năm 2021 bao nhiêu năm?

Người Ai Cập cổ đại biết làm ra lịch vào thiên niên kỉ III TCN

Cuộc khởi nghĩa Bà Triệu nổ ra năm 248

**Câu 3 (0,5 điểm).**Nhận xét vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp?

**2. Phân môn Địa lí (3,0 điểm)**

**Câu 1.** (1,5 điểm)

a.(1 điểm) Trên bản đồ hành chính có tỉ lệ bản đồ là 1: 10 000, khoảng cách từ thành phố A đến thành phố B là 5cm, từ thành phố A đến thành phố C là 1,5cm, Vậy trên thực tế hai thành phố B và C cách thành phố A bao nhiêu mét?

b.(0,5 điểm) Giữa 2 bản đồ tự nhiên Việt Nam có tỉ lệ 1 : 10 000 000 và 1: 15 000 000 bản đồ nào có tỉ lên lớn hơn?

**Câu 2.** (1 điểm)

a.Trái đất tự quay quanh trục theo hướng như thế nào? Hằng ngày chúng ta thường thấy mặt trời mọc ở hướng nào và lặn hướng nào?

b.Để thuận tiện cho sinh hoạt người ta đã chia bề mặt Trái Đất ra làm bao nhiêu khu vực giờ? Việt Nam thống nhất sử dụng khu vực giờ số bao nhiêu?

**Câu 3.** (0,5 điểm)

Buổi biểu diễn ca nhạc gió mùa diễn ra tại Việt Nam lúc 20 giờ 30 phút ngày 31/5/2023 vậy khi đó tại Bắc Kinh (Trung Quốc) là mấy giờ?

**....................................Hết......................................**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **TRƯỜNG TH&THCS XÃ XĂM KHÒE**  ĐÁP ÁN CHÍNH THỨC | **HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **NĂM HỌC 2023 - 2024**  **Môn: Lịch sử và Địa lí 6** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**(**4,0 điểm**): Mỗi đáp án chọn đúng được 0,25 điểm

**1. Phân môn Lịch sử (2,0 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **Đáp án** | **B** | **D** | **B** | **D** | **C** | **A** | **C** | **C** |

**2. Phân môn Địa lí (2,0điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | A | C | A | B | B | D | C | A |  |

**II. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm):**

**1. Phân môn Lịch sử (3,0 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1 (1,5 điểm)**  Em hãy phân biệt các nguồn sử liệu đã học? Các nguồn sử liệu đó có ý nghĩa như thế nào trong việc tìm hiểu lịch sử? | |
| **\* Học sinh phân biệt được các nguồn sử liệu**:  - Tư liệu hiện vật là những di tích, đồ vật …của người xưa để lại trong mặt đất hay trên mặt đất.  - Tư liệu chữ viết là những bản ghi, tài liệu chép tay hay sách được in, khắc chữ.  - Tư liệu truyền miệng là những câu chuyện dân gian được kể truyền miệng từ đời này sang đời khác.  - Tư liệu gốc là tư liệu cung cấp những thông tin đầu tiên và trực tiếp về sự kiện hoặc thời kì lịch sử nào đó | 0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm |
| **\* Ý nghĩa:**  Mỗi nguồn sử liệu đều cho biết hoặc tái hiện một phần cuộc sống trong quá khứ. Nếu tìm được nhiều loại tư liệu thì có thể phục dựng lại quá khứ một cách đầy đủ hơn. | 0,5 điểm |
| **Câu 2 (1,0 điểm** Hãy tính xem các sự kiện sau xảy ra cách năm 2021 bao nhiêu năm? | |
| - Người Ai Cập cổ đại biết làm ra lịch vào thiên niên kỉ III TCN  Như vậy cách năm 2021 là 4021 năm  - Cuộc khởi nghĩa Bà Triệu nổ ra năm 248  Như vậy cách năm 2021 là 1773 năm | 0,5 điểm  0,5 điểm |
| **Câu 3(0,5 điểm).** Nhận xét vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thuỷ ? | |
| Vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thuỷ  - Con người khai hoang ,mở rộng diện tích trồng trọt. Nông nghiệp dùng cày và chăn nuôi có bước phát triển ,chuyên môn hóa trong sản xuất thúc đẩy năng xuất lao động ,tạo ra sản phẩm ngày càng nhiều ,của cải dư thừa...... | 0,5 điểm |
| *Học sinh đưa ra được câu trả lời khác nhưng đúng thì chấm điểm tối đa.* | |

**2. Phân môn Địa lí (3,0điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu 1 | 1. Khoảng cách trên thực tế của thành phố A đến thành phố B là 5cm trên bản đồ = 500m trên thực tế. | 0,5 điểm |
| Khoảng cách trên thực tế của thành phố A đến thành phố C là 1,5cm trên bản đồ = 150m trên thực tế. | 0,5 điểm |
| 1. Bản đồ có tỉ lệ 1 : 10 000 000 có tỉ lệ lớn hơn | 0,5 điểm |
| Câu 2 | 1. Trái Đất tự quay quanh trục theo hướng từ Tây sang Đông. Mặt trời mọc ở hướng Đông và lặn ở Hướng Tây | 0,5 điểm |
| 1. Bề mặt Trái Đất được chia thành 24 khu vực giờ. Việt Nam thống nhất sử dụng khu vực giờ số 7 | 0,5 điểm |
| Câu 3 | Việt Nam dung múi giờ số 7, Trung Quốc múi giờ số 8. Vậy Bắc Kinh (Trung Quốc) đang là 21 giờ 30 phút | 0,5 điểm |

**.........................................Hết............... ............................**